**PHỤ LỤC 2**

MẪU BẢN MÔ TẢ SẢN PHẨM TÚI NI LÔNG ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BTNMT ngày* *04 tháng* *7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận* *túi ni lông thân thiện với môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Tổ chức/cơ sở** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***................, ngày     tháng     năm 20..* |

1. **Thông tin chung về sản phẩm và cơ sở sản xuất:**

**Tên doanh nghiệp:** ………………………………………………..………..

Địa chỉ:………………………………………………………………..……..

Cán bộ liên hệ:……………………………………………………..………...

Số điện thoại…………Số Fax:…………..…Email:………...……………...

**Sản phẩm đăng ký công nhận:**……..…………… ……...………………...

Tên nhãn hiệu:……………………....... …………………………………….

Sản lượng sản xuất: (tấn/năm).........................................................................

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 | Năm 4 | Năm 5 |
|  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

*Năm 1: Sản lượng của năm trước so với thời điểm lập báo cáo*

*Năm 2: Sản lượng (dự kiến) của năm tại thời điểm lập báo cáo*

*Năm 3, 4**, 5: Sản lượng dự kiến của 3 năm tiếp theo so với thời điểm lập báo cáo*

1. **Thông tin chung phục vụ đánh giá sản phẩm**

***1. Báo cáo về đặc tính kỹ thuật của sản phẩm:***

a. Tự đánh giá về chất lượng sản phẩm; và

b. Phiếu kết quả thử nghiệm sản phẩm đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 8 của Thông tư này;

Hoặc

Phiếu kết quả thử nghiệm sản phẩm đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 8 của Thông tư này.

***2. Mô tả về quy trình công nghệ sản xuất***

2.1. Mô tả phương pháp và quy trình công nghệ sản xuất

 Mô tả ngắn gọn phương pháp và quy trình công nghệ sản xuất (kèm theo sơ đồ mô tả quy trình công nghệ).

2.2. Danh mục hóa chất, nguyên liệu đầu vào

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên hóa học** | **Số CAS** | **Khối lượng sử dụng** **(kg/tấn sản phẩm)** | **Ký hiệu độc tính (theo quy định quốc tế)** | **Thuộc danh mục 1 và** **2A** **của IARC** |
|  | Chất (1) |  |  |  |  |
|  | .... |  |  |  |  |
|  | Chất (i) |  |  |  |  |

Ghi chú: Khai báo tất cả các hóa chất có sử dụng trong toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm, kể cả các loại hóa chất không có mặt trong sản phẩm cuối.

2.3. Sử dụng nhiên liệu trong quá trình sản xuất

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hạng mục** | **Đơn vị tính** | **Tổng mức tiêu hao cả năm ước tính trên 1 kg** **sản phẩm** |
| Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 | Năm 4 | Năm 5 |
| 1 | Điện | kWh |  |  |  |  |  |
| 2 | Khí đốt | kWh |  |  |  |  |  |
| 3 | Nhiên liệu hóa thạch khác (than, dầu DO, FO các loại) | Kg |  |  |  |  |  |
| 4 | Tổng chi cho tiêu dùng năng lượng cả năm | Triệu đồng |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

*Năm 1: Số liệu của năm trước so với thời điểm lập báo cáo*

*Năm 2: Số liệu (dự kiến) của năm tại thời điểm lập báo cáo*

*Năm 3, 4**, 5: Số liệu dự kiến của 3 năm tiếp theo so với thời điểm lập báo cáo*

**3. Hướng dẫn sử dụng sản phẩm**

 Mô tả, hướng dẫn ngắn gọn về việc sử dụng sản phẩm.

**4. Báo cáo tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường**

Cơ sở/doanh nghiệp tự đánh giá về việc tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và kết quả triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường trước, trong và sau quá trình sản xuất sản phẩm.

 Đối với sản phẩm túi ni lông đáp ứng tiêu chí tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Thông tư này, đề nghị điền thêm mẫu kế hoạch thu hồi tái chế quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này.